

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Y, huyện Th , thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B , sinh năm 1987;

CMND số 001087024820 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/6/2018;

Nơi cư trú: Thôn Hiệu Chân, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, Thành phố H;

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 27/7/2022 tại Văn phòng công chứng Vũ Tiến Trí thành phố H);

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn Viên Nam, xã Đ , huyện Q , thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Thị Kim C , sinh năm 1997;

CMND số 122230563 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 7/9/2013;

Nơi cư trú: Xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/8/2022 tại Văn phòng công chứng Vũ Tiến Trí thành phố H);

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đỗ Thị D , sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Y, huyện Th , Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1987;

CMND số 001087024820 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/6/2018;

Nơi cư trú: Thôn Hiệu Chân, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, Thành phố H;

(Theo giấy ủy quyền ngày 22/8/2022)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th đồng ý mở ngõ đi chung cho ba thửa đất gồm: Thửa số 232, thửa số 67 (của ông Đ) và thửa số 233 (của bà Th), tờ bản đồ số 382D, tại địa chỉ: Xóm Cò, thôn 4, xã Y, huyện Th Thất, thành phố H; cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Th cắt 82.3m² đất vườn của thửa đất số 233 (của bà Th) làm ngõ đi chung. Thửa đất số 233 sau khi cắt đất làm ngõ đi chung diện tích còn lại là: 384.7m² trong đó có 100m² đất ở và 284.7m² đất vườn.

+ Ông Nguyễn Văn Đ cắt 65.5m² đất vườn của thửa đất số 67 (của ông Đ) làm ngõ đi chung. Thửa đất số 67 sau khi cắt đất làm ngõ đi chung diện tích còn lại là: 401.5m² trong đó có 100m² đất ở và 301.5m² đất vườn.

+ Phần ngõ đi chung có tổng diện tích là: 147.8m². Giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,29,28,27,26,25,24,1 (có sơ đồ kèm theo)

2.2. Ông Nguyễn Văn Đ (là chủ sử dụng thửa đất số 67 và 232) và bà Nguyễn Thị Th (là chủ sử dụng thửa đất số 233) được quyền sử dụng chung 147.8m² đất ngõ đi và không phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất (đối với phần diện tích đất làm ngõ đi chung) cho nhau.

2.3. Xác nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th đã bàn giao đất để làm ngõ đi chung (biên bản bàn giao đất để làm ngõ đi chung ngày 20/9/2022).

2.4. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 232, 233 và thửa số 67, tờ bản đồ số 382D, tại địa chỉ: Xóm Cò, thôn 4, xã Y, huyện Th Thất, thành phố H và phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự

sơ thẩm là **300.000** đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0025342 ngày 02/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th Thất, Thành phố H. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Đ **2.200.000** đồng (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

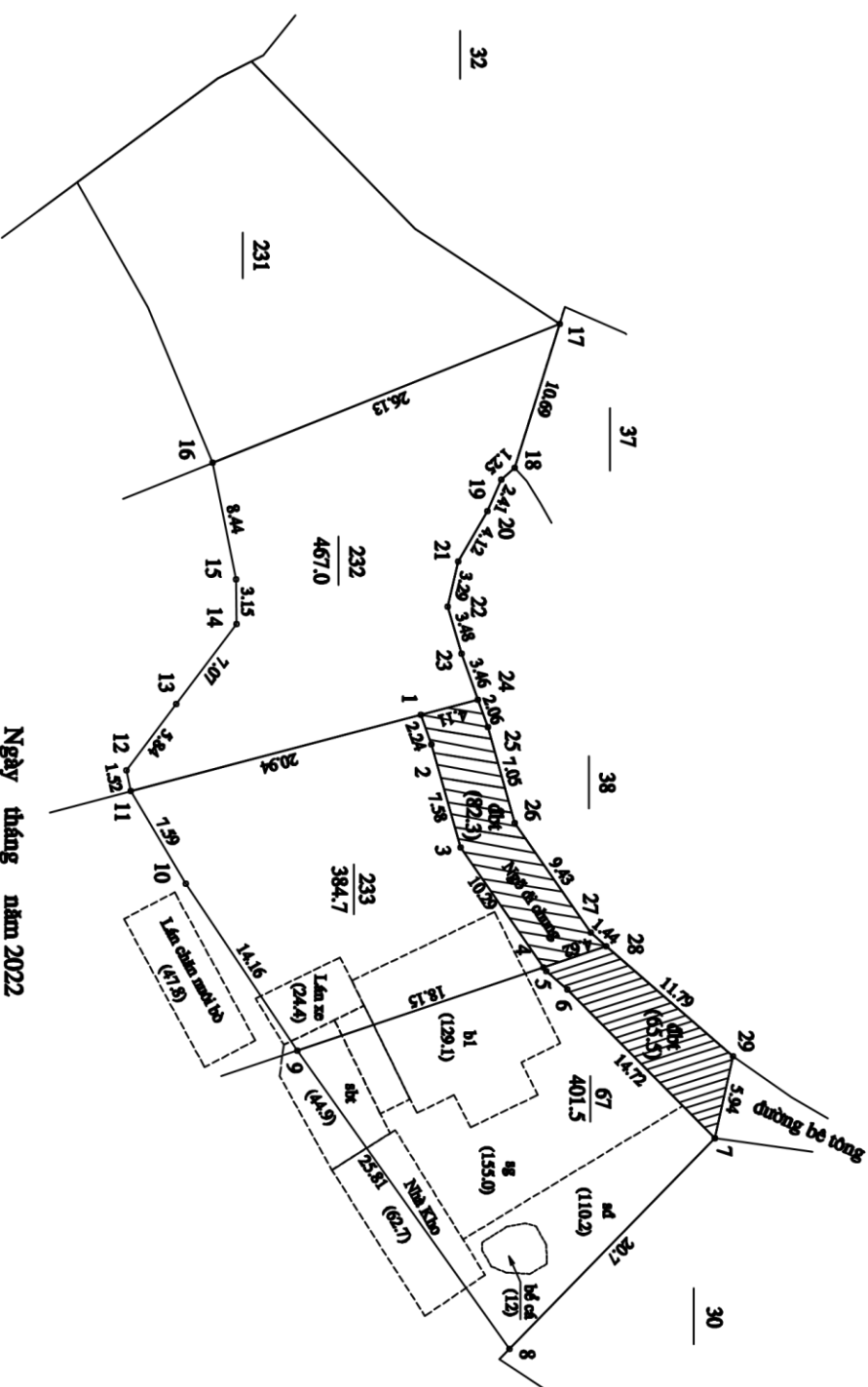
- THADS huyện Th Thất;
- TANDTP H; VKSNDTP H;
- VKSND huyện Th Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Th Thất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu T

SC ĐỒ KẼM THEO Quyết định số 97/2022/DSST ngày 23/09/2022

- Bản vẽ thửa đất: Tỷ lệ: 1/500



Ngày tháng năm 2022
Thẩm Phán

Nguyễn Thị Thu Thủy

Bảng kê tọa độ góc ranh

điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
1	2323301.096	546413.872	
2	2323301.840	546415.985	2.24
3	2323303.877	546423.287	7.58
4	2323309.654	546431.800	10.29
5	2323309.843	546432.078	0.34
6	2323311.309	546433.372	1.96
7	2323321.586	546443.907	14.72
8	2323307.275	546458.860	20.70
9	2323292.486	546437.703	25.81
10	2323284.702	546425.860	14.17
11	2323280.876	546419.301	7.59
12	2323280.577	546417.813	1.52
13	2323284.032	546413.109	5.84
14	2323288.237	546407.431	7.07
15	2323288.219	546404.283	3.15
16	2323286.558	546396.006	8.44
17	2323310.760	546386.151	26.13
18	2323307.624	546396.373	10.69
19	2323306.691	546397.206	1.25
20	2323305.737	546399.415	2.41
21	2323303.685	546402.987	4.12
22	2323302.955	546406.198	3.29
23	2323303.917	546409.540	3.48
24	2323305.067	546412.805	3.46
25	2323305.753	546414.752	2.06
26	2323307.646	546421.540	7.05
27	2323312.944	546429.347	9.43
28	2323314.022	546430.298	1.44
29	2323322.864	546438.101	11.79
7	2323321.586	546443.907	5.94

